

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST

Ngày: 23-10-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng
2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần G, địa chỉ: Lô số 04, khu Công Nghiệp Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đức T, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty Cổ phần G); ông Lưu Đức T1, địa chỉ: 193 C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 08-5-2019. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc A, là Luật sư Công ty luật TNHH một thành viên S, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 193 C, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B, địa chỉ: Lô X, Khu công nghiệp Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng K, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2019, các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần G trình bày:

Ngày 02-01-2018 Công ty Cổ phần G và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B ký hợp đồng mua bán giấy làm bao bì số 05/2017/XEO-SGMT. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần G đã thực hiện đúng cam kết, giao hàng đúng số lượng, chất lượng và thời gian theo đơn đặt hàng của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B. Tuy nhiên sau khi nhận hàng, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31-12-2018 giữa Công ty Cổ phần G và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B thể hiện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B còn nợ Công ty Cổ phần G 734.039.245đồng. Tuy nhiên, từ khi đối chiếu công nợ đến nay, mặc dù Công ty Cổ phần G đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B vẫn không thanh toán số nợ trên. Vì vậy, Công ty Cổ phần G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải trả cho Công ty Cổ phần G tổng số tiền nợ là 752.390.226đồng, trong đó nợ gốc là 734.039.245đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 31-12-2018 đến ngày 31-3-2019 là: $734.039.245 \text{đồng} \times 10\% / \text{năm} = 18.350.981 \text{đồng}$. Yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải tiếp tục trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến khi giải quyết xong vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án. Tại văn bản đề ngày 27-5-2019, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B trình bày: Hiện nay Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B còn nợ Công ty Cổ phần G đến hết ngày 27-5-2019 với số tiền là 734.039.245đồng. Trong thời gian vừa qua, Công ty gặp khó khăn về tài chính nên quá trình thanh toán công nợ không thực hiện được. Nay Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B đề xuất phương án như sau: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B sẽ mua hàng hóa của Công ty Cổ phần G với phương thức thanh toán tiền ngay và sẽ thanh toán nợ hàng tháng từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng bằng phương án bán phế liệu giấy cho Công ty Cổ phần G để thanh toán dần số nợ cũ.

L luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần G 734.039.245đồng tiền nợ chưa thanh toán và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 31-12-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B có địa chỉ tại Lô X, Khu công nghiệp Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần G trình bày: Ngày 02-01-2018 Công ty Cổ phần G và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B ký hợp đồng mua bán giấy làm bao bì số 05/2017/XEO-SGMT. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần G đã thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên sau khi nhận hàng, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo nội dung đã thỏa thuận. Tính đến ngày 31-12-2018 Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B còn nợ Công ty Cổ phần G tổng số tiền là 734.039.245đồng.

[2.2] Lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp như: Hợp đồng nguyên tắc (V/v mua bán giấy làm bao bì) số: 05/2017/XEO-SGMT ngày 02-01-2018, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31-12-2018 giữa Công ty Cổ phần G và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B. Ngoài ra, tại Công văn số 01/19 CV-TT ngày 27-5-2019, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B cũng xác định hiện nay Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B còn nợ Công ty Cổ phần G số tiền 734.039.245đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B còn nợ Công ty Cổ phần G số tiền 734.039.245đồng chưa thanh toán.

[2.3] Tại Điều 03 của Hợp đồng nguyên tắc (V/v mua bán giấy làm bao bì) số: 05/2017/XEO-SGMT ngày 02-01-2018 quy định: “*Thời gian thanh toán: Thanh toán công nợ trong vòng 30 ngày (kể từ ngày giao hàng và nhận hóa đơn)*”. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31-12-2018 thể hiện số tiền mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B còn nợ Công ty Cổ phần G cụ thể như sau: Số dư nợ đầu ngày 01-12-2018 là 734.039.245đồng; số dư nợ đến hết ngày 31-12-2018 là 734.039.245đồng. Tuy nhiên, từ khi đối chiếu công nợ đến nay Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty Cổ phần G. Việc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B không thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Công ty Cổ phần G là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, Công ty Cổ phần G khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B thanh toán số tiền 734.039.245đồng còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31-12-2018, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B và Công ty Cổ phần G đã thống nhất số tiền mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B còn nợ Công ty Cổ phần G đến ngày 31-12-2018 là 734.039.245đồng. Tuy nhiên, từ khi đối chiếu công nợ đến nay Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty Cổ phần G. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì Công ty Cổ phần G có quyền yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Công ty Cổ phần G chỉ yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tạm tính từ ngày 31-12-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần G từ ngày 31-12-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23-10-2019) là: 734.039.245đồng x 10%/năm x 9 tháng 23 ngày = 59.678.396đồng.

[3] Tổng cộng: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần G tổng số tiền là 793.717.641đồng, trong đó: Tiền nợ chưa thanh toán là 734.039.245đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán là 59.678.396đồng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là: 20.000.000đồng + (4% x 393.717.641đồng) = 35.748.706đồng.

Công ty Cổ phần G không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần G số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do chị Trương Thị Tường Vi nộp thay) là 17.047.804đồng (mười bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm lẻ bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001263 ngày 28-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; các điều 280, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần G tổng số tiền là 793.717.641 đồng (bảy trăm chín mươi ba triệu bảy trăm mười bảy nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng), trong đó:

Tiền nợ chưa thanh toán là 734.039.245 đồng (bảy trăm ba mươi bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng);

Tiền lãi do chậm thanh toán là 59.678.396 đồng (năm mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải chịu 35.748.706 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần G không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần G số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do chị Trương Thị Tường Vi nộp thay) là 17.047.804 đồng (mười bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm lẻ bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001263 ngày 28-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong